

PHÚC ẤM – PHÚC ĐỨC – ÂN ĐỨC

Hiểu như thế nào về những thuật ngữ này trong *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*?

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống gia đình Việt Nam, khi nói đến những điều tốt đẹp mà con cháu được thừa hưởng từ ông bà, cha mẹ, người ta thường dùng những cách diễn đạt quen thuộc như “nhờ phúc đức ông bà”, “được hưởng phúc ấm tổ tiên”, “để đức cho con cháu” hoặc “nhớ công ơn, ân đức tiền nhân”. Những lời nói ấy không chỉ bày tỏ lòng biết ơn đối với người đi trước, mà còn phản ánh một quan niệm lâu đời của người Việt về mối liên hệ giữa các thế hệ trong gia đình và dòng tộc.

Tuy nhiên, khi đi sâu vào ý nghĩa của từng từ, chúng ta nhận thấy phúc ấm, phúc đức và ân đức tuy có liên hệ mật thiết với nhau nhưng không hoàn toàn đồng nghĩa. Mỗi từ nhấn mạnh một phương diện khác nhau: phúc ấm nói đến sự che chở và những điều tốt lành được thừa hưởng; phúc đức nói đến điều thiện, công đức và phúc lành gắn với đời sống đạo đức; còn ân đức nhấn mạnh những ơn nghĩa và công lao tốt đẹp mà người đi trước đã để lại.

Sự phân biệt này đặc biệt cần thiết khi những từ ngữ ấy được sử dụng trong đời sống đức tin Công giáo, nhất là trong các bài văn tưởng niệm tổ tiên, lời nguyện ngày giỗ, những nghi thức kính nhớ ông bà hoặc các bản văn liên quan đến việc tôn kính tổ tiên. Bởi lẽ, cùng một cách diễn đạt có thể được hiểu theo nghĩa văn hóa, đạo đức hoặc tín ngưỡng, trong khi giáo lý Công giáo đòi hỏi phải phân biệt rõ lòng biết ơn đối với tổ tiên với niềm tin vào Thiên Chúa là nguồn mạch mọi phúc lành.

1. PHÚC ẨM 福蔭 là gì?

Phúc ẩm là một từ Hán Việt, viết bằng chữ Hán là 福蔭, gồm hai yếu tố: *phúc* 福 và *ẩm* 蔭.

Chữ **phúc** 福 có nghĩa là điều tốt lành, may mắn, hạnh phúc hoặc phúc lành. Trong văn hóa truyền thống, phúc còn chỉ những điều tốt đẹp mà con người mong được hưởng trong cuộc sống, như sự bình an, sức khỏe, tuổi thọ, gia đình hòa thuận và con cháu hưng thịnh.

Chữ **ẩm** 蔭 có nghĩa gốc là bóng râm, bóng mát hoặc sự che phủ. Từ ý nghĩa cụ thể ấy, chữ ẩm được dùng theo nghĩa chuyển để chỉ sự che chở, bảo bọc hoặc những lợi ích mà một người được hưởng nhờ công lao, địa vị hay ảnh hưởng tốt đẹp của người khác.

Như vậy, xét theo nghĩa chữ, *phúc ẩm* 福蔭 là phúc lành được hình dung như bóng mát che chở, đặc biệt là những điều tốt đẹp mà con cháu được thừa hưởng từ tổ tiên.

Hình ảnh bóng mát ở đây rất đáng chú ý. Một cây cổ thụ phải trải qua nhiều năm tháng mới có thể vươn cao, tỏa rộng và tạo thành bóng râm cho những người đến sau. Người ngồi dưới bóng cây được hưởng sự mát mẻ mà không phải chính mình đã trồng cây hoặc chăm sóc cây từ thuở ban đầu. Cũng vậy, trong đời sống gia đình, con cháu có thể được hưởng những thành quả do ông bà, cha mẹ đã gây dựng từ nhiều thế hệ trước.

Một gia đình có truyền thống sống ngay thẳng, hiếu nghĩa và biết giúp đỡ người khác thường để lại cho con cháu một di sản tinh thần quý giá. Một dòng họ có nhiều người chăm chỉ lao động, trọng chữ tín và sống hòa thuận có thể tạo nên uy tín xã hội, nhờ đó các thế hệ sau được hưởng những thuận lợi nhất định trong cuộc sống. Những điều ấy có thể được diễn tả bằng cách nói truyền thống là con cháu được hưởng phúc ẩm của tổ tiên.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa ý nghĩa văn hóa của hình ảnh này với một quan niệm tín ngưỡng có thể đi kèm theo nó.

Trong tín ngưỡng dân gian, *phúc ảm* đôi khi được hiểu là sự phù hộ trực tiếp của tổ tiên đã qua đời, nghĩa là người đã khuất vẫn có khả năng che chở, ban may mắn, giúp con cháu làm ăn phát đạt hoặc tránh khỏi tai họa. Đây là một cách giải thích thuộc phạm vi niềm tin dân gian, không phải ý nghĩa duy nhất hay tất yếu của từ *phúc ảm*.

Nếu hiểu theo nghĩa văn hóa và đạo đức, *phúc ảm* trước hết là những điều tốt đẹp được thừa hưởng từ công lao, nếp sống, sự giáo dục và những hy sinh của tiền nhân. Cách hiểu này không nhất thiết bao hàm niềm tin rằng tổ tiên có quyền năng siêu nhiên để quyết định vận mệnh của con cháu.

Phúc ảm dưới ánh sáng đức tin Công giáo

Người Công giáo có thể nói mình được hưởng phúc ảm của ông bà, cha mẹ, nếu hiểu đó là những điều tốt đẹp Thiên Chúa đã ban cho gia đình qua đời sống và công lao của các thế hệ đi trước.

Chẳng hạn, một người được sinh trưởng trong gia đình có truyền thống đạo đức, được cha mẹ giáo dục trong đức tin, được ông bà nêu gương sống bác ái và được thừa hưởng những thành quả lao động của tổ tiên, thì có thể nói rằng người ấy đang được hưởng phúc ảm của gia đình.

Tuy nhiên, phúc ảm tổ tiên không có nghĩa tổ tiên là nguồn mạch độc lập của phúc lành hoặc có quyền năng ban phát phúc lành như Thiên Chúa.

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 2214, nhắc rằng tình phụ tử của Thiên Chúa là nguồn mạch của tình phụ tử nơi con người, và đó là nền tảng của lòng hiếu kính đối với cha mẹ. Giáo lý này giúp chúng ta hiểu rằng mọi điều tốt đẹp nơi gia đình đều có thể được nhìn nhận trong tương quan với Thiên Chúa, Đấng là nguồn mạch tối hậu của mọi ơn lành.

Mặt khác, Hội Thánh cũng tuyên xưng sự hiệp thông giữa các tín hữu còn sống và những người đã qua đời trong ân nghĩa Chúa. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 958, nói đến sự hiệp thông với những người

đã qua đời và giá trị của lời cầu nguyện dành cho họ. Vì vậy, người Công giáo không phủ nhận mối liên hệ thiêng liêng giữa các thế hệ, nhưng hiểu mối liên hệ ấy trong màu nhiệm các thánh thông công, chứ không đồng hóa với quan niệm rằng mọi tổ tiên đã qua đời đều có quyền năng phù hộ hoặc quyết định số phận của con cháu.

2. PHÚC ĐỨC 福德 là gì?

Phúc đức viết bằng chữ Hán là 福德, gồm hai yếu tố: *phúc* 福 và *đức* 德.

Chữ *phúc* 福, như đã trình bày, có nghĩa là điều tốt lành, hạnh phúc hoặc phúc lành.

Chữ *đức* 德 có nghĩa là phẩm hạnh tốt đẹp, đức hạnh, phẩm chất đạo đức hoặc điều thiện được thể hiện qua cách sống và hành động của con người.

Khi kết hợp thành từ phúc đức, hai chữ này tạo nên một khái niệm có nội dung phong phú, trong đó phúc là điều tốt lành, còn đức là phẩm hạnh và những việc thiện có liên hệ với điều tốt lành ấy.

Trong cách hiểu truyền thống, phúc đức thường gắn với quan niệm rằng người sống có đạo đức, biết làm điều thiện và tránh điều ác sẽ tích lũy được những điều tốt đẹp cho bản thân và gia đình. Quan niệm này được diễn tả qua nhiều câu nói quen thuộc như “ăn ở có phúc đức”, “để đức cho con cháu” hoặc “nhà ấy có phúc đức”.

Tuy nhiên, từ *phúc đức* không chỉ có một nghĩa cố định. Tùy theo văn cảnh, nó có thể chỉ đức hạnh và việc thiện của một người, những điều tốt lành được xem là kết quả của đời sống đạo đức, hoặc phúc lành mà một gia đình được hưởng qua nhiều thế hệ.

Khi người Việt nói “ông bà để phúc đức cho con cháu”, ý nghĩa thường được nhấn mạnh không phải là ông bà để lại một tài sản vật chất cụ thể, mà là để lại những giá trị đạo đức và một đời sống tốt lành có ảnh hưởng lâu dài đối với gia đình.

Một người cha sống trung thực có thể để lại cho con cái bài học về lòng ngay thẳng. Một người mẹ sống nhân hậu có thể gieo vào tâm hồn con

cháu tinh thần biết yêu thương và chia sẻ. Một gia đình nhiều đời coi trọng chữ tín có thể tạo nên một truyền thống đạo đức được xã hội quý trọng. Những điều ấy là các hình thức di sản mà người Việt thường gọi là phúc đức của tổ tiên.

Phúc đức có phải là một thứ công trạng được truyền lại?

Trong một số quan niệm dân gian, *phúc đức* được hình dung gần như một thứ vốn liếng vô hình mà con người có thể tích lũy bằng việc thiện rồi truyền lại cho con cháu. Theo cách nghĩ ấy, người trước làm nhiều điều tốt thì người sau sẽ được hưởng may mắn, còn người trước làm nhiều điều xấu thì con cháu có thể phải gánh chịu hậu quả.

Quan niệm này có thể chứa đựng một nhận xét đúng về phương diện xã hội và đạo đức: hành động của một thế hệ thường để lại hậu quả lâu dài cho các thế hệ tiếp theo. Tuy nhiên, nếu hiểu rằng công đức của tổ tiên tự động chuyển thành phúc lành cho con cháu theo một quy luật thưởng phạt tất yếu, thì cách hiểu ấy cần được phân biệt với giáo lý Công giáo.

Đức tin Công giáo nhìn nhận rằng hành động tốt hoặc xấu của con người có thể ảnh hưởng đến người khác, kể cả các thế hệ mai sau. Nhưng Hội Thánh không dạy rằng công trạng thiêng liêng của tổ tiên được truyền lại cho con cháu như một tài sản có thể tích lũy và phân phối.

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 2006–2011, trình bày giáo lý về công trạng trong đời sống Kitô hữu, đồng thời nhấn mạnh vai trò ưu tiên của ân sủng Thiên Chúa. Đặc biệt, số 2008 giải thích rằng công trạng của con người trước mặt Thiên Chúa bắt nguồn trước hết từ sáng kiến nhưng không của Thiên Chúa, rồi mới đến sự cộng tác tự do của con người.

Điều này cho thấy công trạng trong đời sống đức tin không thể được hiểu như một thứ tài sản thiêng liêng mà con người tự mình tạo ra, tích lũy và tùy ý chuyển giao cho người khác.

Hơn nữa, Kinh Thánh cũng không cho phép đồng nhất mọi đau khổ của

con cháu với tội lỗi của tổ tiên. Sách Êdêkien 18,20 nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân trước tội lỗi; còn trong Tin Mừng Gioan 9,1-3, khi các môn đệ hỏi về nguyên nhân khiến một người bị mù từ lúc mới sinh, Đức Giêsu đã bác bỏ cách quy kết đơn giản rằng tình trạng ấy nhất thiết do tội của người đó hoặc của cha mẹ người đó.

Vì thế, không thể dựa vào hoàn cảnh giàu nghèo, thành công hay thất bại, khỏe mạnh hay bệnh tật của một gia đình để kết luận rằng tổ tiên của họ có nhiều hay ít phúc đức.

Phúc đức dưới ánh sáng đức tin Công giáo

Người Công giáo có thể trân trọng phúc đức của tổ tiên, nếu hiểu đó là đời sống đạo đức, những việc thiện, những hy sinh và những giá trị tốt đẹp mà tiền nhân đã thực hiện và truyền lại.

Trong ý nghĩa ấy, việc tưởng nhớ phúc đức ông bà không chỉ là nhắc lại những điều tốt đẹp của quá khứ, mà còn là lời mời gọi con cháu tiếp nối truyền thống đạo đức của gia đình.

Nếu ông bà sống bác ái, con cháu được mời gọi tiếp tục sống bác ái. Nếu cha mẹ sống trung thực, con cái có trách nhiệm gìn giữ sự trung thực ấy. Nếu tổ tiên đã hy sinh để xây dựng gia đình và bảo vệ đức tin, các thế hệ sau cần biết trân trọng và phát huy di sản đã lãnh nhận.

Như vậy, phúc đức không nên được hiểu như một kho công trạng siêu nhiên tự động bảo đảm may mắn cho con cháu, mà trước hết là một di sản đạo đức cần được biết ơn, gìn giữ và tiếp nối.

3. ÂN ĐỨC 恩德 là gì?

Ân đức 恩德 gồm hai thành tố: *ân 恩* và *đức 德*.

Chữ *ân 恩* có nghĩa là ơn nghĩa, ân huệ, lòng thương yêu hoặc điều tốt đẹp mà một người đã làm cho người khác, khiến người nhận mang lòng biết ơn.

Chữ *đức 德* có nghĩa là đức hạnh, phẩm chất đạo đức và những điều tốt đẹp biểu hiện qua cách sống của con người.

Khi kết hợp thành từ *ân đức*, hai chữ này nhấn mạnh những ơn nghĩa và điều tốt đẹp mà một người đã đem lại cho người khác bằng tấm lòng, phẩm hạnh hoặc hành động của mình.

So với *phúc ếm* và *phúc đức*, từ *ân đức* có một sắc thái khá rõ: nó hướng sự chú ý đến người đã làm ơn và những điều tốt đẹp mà người khác đã lãnh nhận từ người ấy.

Chẳng hạn, khi nói đến ân đức sinh thành của cha mẹ, người ta muốn nhắc đến công ơn sinh dưỡng, tình yêu thương, sự chăm sóc và những hy sinh mà cha mẹ đã dành cho con cái.

Khi nói đến ân đức tổ tiên, người ta có thể muốn nhắc đến công lao gây dựng gia đình, bảo tồn truyền thống, giáo dục con cháu và những đóng góp của tiền nhân đối với đời sống của các thế hệ đi sau.

Ở đây, điều đáng chú ý là từ ân đức không nhất thiết chứa đựng ý niệm về một quyền năng siêu nhiên. Một người có thể mang ân đức của cha mẹ, thầy cô hoặc những người đã giúp đỡ mình, dù những người ấy còn sống hay đã qua đời.

Bởi vậy, khi nói “ghi nhớ ân đức tổ tiên”, ý nghĩa trực tiếp và tự nhiên nhất là ghi nhớ công ơn và những điều tốt đẹp mà tổ tiên đã để lại.

Ân đức và lòng biết ơn trong đạo hiếu

Trong truyền thống Việt Nam, lòng biết ơn đối với ông bà, cha mẹ không chỉ là một tình cảm riêng tư, mà còn được xem là một bổn phận đạo đức.

Con người không tự mình xuất hiện trong cuộc đời, cũng không thể lớn lên mà hoàn toàn tách khỏi sự chăm sóc và ảnh hưởng của những người đi trước. Mỗi người đều tiếp nhận sự sống, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống và nhiều điều kiện sinh tồn từ gia đình và cộng đồng.

Chính vì vậy, khi tưởng nhớ ân đức tổ tiên, con cháu nhìn nhận rằng đời sống hiện tại của mình có liên hệ với công lao và những hy sinh của các thế hệ trước.

Đối với người Công giáo, lòng biết ơn ấy còn có nền tảng trong điều răn thứ tư: “Người hãy thờ cha kính mẹ” (Xh 20,12), thường được diễn đạt trong giáo lý Việt ngữ là bốn phận thảo kính cha mẹ.

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 2215, giải thích rằng lòng kính trọng cha mẹ phát sinh từ lòng biết ơn đối với những người đã thông truyền sự sống, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Số 2217 tiếp tục trình bày bốn phận vâng phục và kính trọng cha mẹ trong những hoàn cảnh thích hợp của đời sống gia đình.

Đặc biệt, số 2218 nhắc đến trách nhiệm trợ giúp cha mẹ khi tuổi già, bệnh tật, cô đơn hoặc gặp khó khăn. Điều này cho thấy lòng hiếu kính theo giáo lý Công giáo không chỉ được thể hiện bằng những nghi thức tưởng nhớ sau khi cha mẹ qua đời, mà trước hết phải được thực hành bằng tình yêu thương, sự kính trọng và chăm sóc khi các ngài còn sống.

Vì vậy, khi người Công giáo nói đến ân đức tổ tiên, điều ấy hoàn toàn có thể được hiểu như một cách diễn tả lòng biết ơn phù hợp với đạo hiếu và đức tin.

4. PHÚC ẨM – PHÚC ĐỨC – ÂN ĐỨC khác nhau thế nào?

Ba từ này đều có thể được dùng khi nói đến những điều tốt đẹp mà tổ tiên để lại cho con cháu. Tuy nhiên, nếu xét theo trọng tâm ý nghĩa, chúng ta có thể phân biệt như sau:

Phúc ẩm 福蔭: Những điều tốt lành được thừa hưởng, được hình dung như bóng mát che chở của tiền nhân.

Phúc đức 福德: Đức hạnh, việc thiện và phúc lành gắn với đời sống đạo đức.

Phúc ẩm 恩德:Ơn nghĩa, công lao và những điều tốt đẹp mà người đi trước đã dành cho người sau.

Có thể minh họa sự khác biệt ấy bằng một gia đình có nhiều thế hệ sống đạo đức và chăm chỉ lao động.

Ông bà đã dành cả cuộc đời để xây dựng gia đình, giáo dục con cái, giúp

đỡ người nghèo và giữ gìn danh dự của dòng họ. Những việc làm tốt đẹp ấy có thể được gọi là phúc đức của ông bà.

Nhờ nền tảng gia đình, truyền thống đạo đức, sự giáo dục và những thành quả mà ông bà để lại, con cháu có được nhiều điều kiện thuận lợi để trưởng thành. Những điều tốt đẹp được thừa hưởng ấy có thể được gọi là phúc ảm của tổ tiên.

Khi con cháu tưởng nhớ công lao sinh dưỡng, những hy sinh và tình thương mà ông bà đã dành cho gia đình, họ đang ghi nhớ ân đức của tiền nhân.

Như vậy, nếu diễn tả một cách khái quát, phúc đức nhấn mạnh điều thiện và phẩm hạnh của người đi trước; phúc ảm nhấn mạnh những điều tốt đẹp mà người đi sau được thừa hưởng; còn ân đức nhấn mạnh công ơn và nghĩa tình giữa người đã trao ban với người đã lãnh nhận.

Dĩ nhiên, đây là sự phân biệt theo trọng tâm ngữ nghĩa, không phải ba phạm trù hoàn toàn tách biệt. Trong cách sử dụng thực tế, các từ này có thể giao thoa và đôi khi được dùng thay thế cho nhau.

5. Vì sao “hưởng phúc ảm tổ tiên” không đồng nghĩa với “được tổ tiên ban phúc lành”?

Đây là vấn đề quan trọng nhất khi sử dụng các từ ngữ trên trong đời sống đức tin Công giáo.

Trong tiếng Việt, động từ hưởng có nghĩa là nhận được, thụ hưởng hoặc có phần trong một điều tốt đẹp nào đó. Còn động từ ban nhấn mạnh hành động trao tặng từ phía chủ thể ban cho.

Vì vậy, nói “con cháu hưởng phúc ảm tổ tiên” không nhất thiết có nghĩa rằng tổ tiên đã qua đời đang trực tiếp thực hiện một hành động siêu nhiên để ban phúc lành cho con cháu.

Một người có thể hưởng gia sản của cha mẹ mà không phải cha mẹ đã qua đời vẫn tiếp tục tạo ra của cải cho người ấy. Một người có thể hưởng thành quả giáo dục của ông bà mà không phải ông bà đang trực tiếp điều khiển cuộc sống của người ấy. Tương tự, con cháu có thể hưởng

phúc ầm tổ tiên theo nghĩa được thừa hưởng những điều tốt đẹp do tiền nhân để lại.

Ngược lại, khi nói “tổ tiên ban phúc lành cho con cháu”, câu nói ấy đã chuyển trọng tâm từ việc thừa hưởng một di sản sang việc khẳng định tổ tiên là chủ thể ban phát phúc lành.

Trong văn hóa dân gian, cách nói này có thể được hiểu như một lời cầu chúc hoặc một cách diễn tả niềm tin vào sự phù hộ của tổ tiên. Tuy nhiên, trong một bản văn phụng vụ hoặc một nghi thức Công giáo, cách diễn đạt ấy cần được cân nhắc, bởi nó có thể làm cho người tham dự hiểu rằng tổ tiên có quyền năng ban phúc lành độc lập với Thiên Chúa.

Theo giáo lý Công giáo, Thiên Chúa là nguồn mạch của mọi phúc lành. Thánh Phaolô viết: “Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Trong Đức Kitô, từ cõi trời, Người đã thi ân giáng phúc cho ta hưởng muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần” (Ep 1,3).

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 1077–1083, trình bày ý nghĩa của phúc lành trong chương trình cứu độ, đặc biệt nhấn mạnh rằng Thiên Chúa là nguồn mạch mọi phúc lành và con người đáp lại bằng lời chúc tụng, tạ ơn.

Tuy nhiên, cũng cần tránh một cách hiểu cực đoan khác, đó là cho rằng người đã qua đời hoàn toàn không còn liên hệ gì với người đang sống hoặc không thể cầu nguyện cho người đang sống.

Đức tin Công giáo tuyên xưng mầu nhiệm các thánh thông công. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 956, nói đến sự chuyển cầu của các thánh trên trời; số 957 trình bày sự hiệp thông giữa các tín hữu trong Đức Kitô. Như vậy, Hội Thánh nhìn nhận sự chuyển cầu của các thánh, nhưng phân biệt rõ sự chuyển cầu ấy với quyền năng và ân sủng phát xuất từ Thiên Chúa.

Điều này cũng không có nghĩa rằng mọi người thân đã qua đời đều đương nhiên được xác nhận đang hưởng vinh quang thiên quốc hoặc có thể được cầu khẩn như các thánh đã được Hội Thánh nhìn nhận. Đối

với các tín hữu đã qua đời, thái độ thông thường của Hội Thánh là cầu nguyện, phó thác họ cho lòng thương xót của Thiên Chúa và sống niềm hy vọng phục sinh.

Do đó, khi tưởng nhớ tổ tiên, người Công giáo có thể cảm tạ Thiên Chúa vì những phúc lành đã lãnh nhận qua các thế hệ đi trước, đồng thời cầu nguyện cho ông bà, cha mẹ đã qua đời. Cách diễn đạt này vừa gìn giữ đạo hiếu truyền thống, vừa làm sáng tỏ nền tảng thần học của đức tin.

6. Có nên dùng các từ PHÚC ẨM – PHÚC ĐỨC – ÂN ĐỨC trong nghi thức kính nhớ tổ tiên?

Về nguyên tắc, cả ba từ đều có thể được sử dụng trong ngôn ngữ Công giáo, miễn là được đặt trong văn cảnh thích hợp và không làm sai lệch nội dung đức tin.

Tuy nhiên, mỗi từ có những sắc thái riêng cần lưu ý.

Đối với từ *phúc ẩm*, người viết cần thận trọng vì từ này có thể gợi đến quan niệm tổ tiên phù hộ, che chở con cháu bằng quyền năng siêu nhiên. Nếu dùng trong bài khải cứu văn hóa, văn tưởng niệm hoặc những lời phát biểu mang tính gia đình, từ này có thể được hiểu theo nghĩa truyền thống. Nhưng nếu dùng trong lời nguyện chính thức, cần có văn cảnh làm rõ rằng phúc lành bắt nguồn từ Thiên Chúa.

Đối với từ *phúc đức*, cần tránh những cách diễn đạt khiến người nghe hiểu rằng công đức của tổ tiên là một thứ vốn liếng thiêng liêng có thể tự động đem lại may mắn, tài lộc hoặc sự cứu độ cho con cháu. Thay vào đó, nên nhấn mạnh gương sáng, đời sống đạo đức và những việc thiện của tiền nhân.

Đối với từ *ân đức*, nội dung tương đối rõ ràng hơn trong việc diễn tả lòng biết ơn và công lao của tổ tiên. Từ này có thể được sử dụng trong những lời tưởng niệm, bài phát biểu hoặc những bản văn nhắc đến công ơn sinh thành, dưỡng dục và truyền lại đức tin của ông bà, cha mẹ.

Vì vậy, việc chọn lựa từ ngữ không đơn thuần là vấn đề văn chương, mà còn liên quan đến trách nhiệm diễn tả đức tin một cách chính xác.

7. Tôn kính tổ tiên là ghi nhớ ân đức, chứ không phải thần thánh hóa phúc đức của tổ tiên

Khi bàn về phúc ảm, phúc đức và ân đức, chúng ta cũng cần trở lại với một nguyên tắc căn bản trong việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo: kính nhớ công ơn tiền nhân không đồng nghĩa với việc nhìn nhận tiền nhân như những thần linh có quyền năng chi phối vận mệnh con cháu.

Tổ tiên đáng được kính nhớ vì các ngài là những người đã đi trước, đã thông truyền sự sống, đã góp phần xây dựng gia đình và đã để lại những giá trị vật chất, tinh thần, đạo đức cho các thế hệ sau.

Lòng tôn kính ấy không đòi hỏi phải gán cho tổ tiên những quyền năng siêu nhiên. Trái lại, sự kính nhớ chân thành càng trở nên sâu sắc khi con cháu biết nhìn nhận đúng công lao của tiền nhân, đồng thời ý thức rằng chính mình có trách nhiệm tiếp nối những điều tốt đẹp đã lãnh nhận.

Trong tinh thần đó, phúc ảm có thể nhắc con cháu nhớ đến những điều tốt đẹp mình đang được thừa hưởng; phúc đức nhắc con cháu nhớ đến đời sống đạo đức và những việc thiện của người đi trước; còn ân đức nhắc con cháu nhớ đến bốn phận biết ơn đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục và hy sinh cho mình.

Ba khái niệm ấy, nếu được hiểu đúng, không nhất thiết dẫn con người đến việc thần thánh hóa tổ tiên, mà có thể giúp làm phong phú thêm ý nghĩa của đạo hiếu.

Đối với người Công giáo, lòng hiếu kính còn được nâng lên trong tương quan với Thiên Chúa. Khi nhớ đến ông bà, cha mẹ, người tín hữu không chỉ tưởng nhớ công lao của các ngài mà còn cảm tạ Thiên Chúa vì sự sống và những điều tốt đẹp mình đã lãnh nhận qua các thế hệ. Khi cầu nguyện cho tổ tiên, người tín hữu không coi các ngài là những thần linh cần được cúng tế để đổi lấy phúc lộc, mà phó thác các ngài cho lòng thương xót của Thiên Chúa.

Chính trong chiều hướng ấy, đạo hiếu truyền thống và đức tin Công giáo

có thể gặp gỡ nhau mà không làm mất đi những phân biệt cần thiết về tín lý.

LỜI KẾT

Từ phúc ấm đến phúc đức, từ phúc đức đến ân đức, mỗi cách gọi đều lưu giữ một phương diện của mối liên hệ giữa các thế hệ trong gia đình Việt Nam. Phúc ấm gọi lên hình ảnh bóng mát của tiền nhân, dưới đó con cháu được thừa hưởng những điều tốt đẹp đã được gây dựng từ trước; phúc đức nhắc đến đời sống đạo đức, những việc thiện và những giá trị tinh thần mà ông bà, cha mẹ đã vun đắp; còn ân đức hướng lòng người về công ơn sinh thành, dưỡng dục và những hy sinh của các thế hệ đi trước.

Nhìn từ truyền thống đạo hiếu, ba khái niệm ấy đều bắt nguồn từ một nhận thức rất tự nhiên: con người không sống tách biệt khỏi quá khứ, bởi cuộc đời của mỗi người luôn mang dấu ấn của gia đình, dòng tộc và những người đã đi trước. Những điều tốt đẹp mà con cháu đang được hưởng hôm nay có thể là kết quả của biết bao công sức, hy sinh và đức hạnh đã được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Nhìn từ đức tin Công giáo, những giá trị ấy càng đáng được trân trọng, nhưng cần được hiểu trong ánh sáng của niềm tin vào Thiên Chúa là nguồn mạch mọi phúc lành. Tổ tiên có thể để lại cho con cháu một di sản đạo đức, một truyền thống tốt đẹp và những thành quả quý giá, nhưng không vì thế mà trở thành những thần linh có quyền năng độc lập để ban phát phúc lộc, quyết định vận mệnh hoặc bảo đảm ơn cứu độ cho con cháu.

Bởi vậy, nói “hưởng phúc ấm tổ tiên” không nhất thiết đồng nghĩa với việc tin rằng tổ tiên trực tiếp ban phúc lành; nói “nhờ phúc đức ông bà” không nhất thiết có nghĩa rằng công trạng thiêng liêng của ông bà được tự động chuyển sang cho con cháu; và nói “ghi nhớ ân đức tiền nhân” trước hết là bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã góp phần làm nên cuộc đời mình.

Điều quan trọng không phải là loại bỏ những từ ngữ truyền thống vốn

đã ăn sâu trong đời sống văn hóa Việt Nam, mà là hiểu đúng ý nghĩa của chúng, phân biệt những lớp nghĩa khác nhau và sử dụng chúng một cách thích hợp trong từng hoàn cảnh.

Tôn kính tổ tiên không phải là thần thánh hóa tổ tiên; ghi nhớ phúc đức không phải là tin vào một kho công trạng được truyền đời; và biết ơn phúc ăm tiền nhân không có nghĩa là thay thế Thiên Chúa bằng quyền năng của những người đã khuất.

Sau cùng, cách tốt đẹp nhất để bày tỏ lòng biết ơn đối với phúc ăm, phúc đức và ân đức tổ tiên không chỉ nằm ở những lời tưởng niệm trang trọng, mà còn ở chính đời sống của con cháu hôm nay. Khi biết sống ngay thẳng, yêu thương, hiếu nghĩa và có trách nhiệm, con cháu không chỉ gìn giữ di sản của tiền nhân mà còn tiếp tục vun trồng những điều tốt đẹp cho các thế hệ mai sau.

Đó cũng là lúc đạo hiếu không còn chỉ là ký ức hướng về quá khứ, mà trở thành một trách nhiệm sống động đối với hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, Đà Lạt, ngày 7.10.2025, đặc biệt các số 15, 20, 24 và 25.
2. Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 958, 1032, 1350, 1362–1367, 2096–2097, 2112–2114, 2132 và 2199.